NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VÀ ỨNG DỤNG HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN: TIẾP CẬN TỪ CÁC LĨNH VỰC TÍCH HỢP TRỌNG YẾU TẠI TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Văn Hiệu[1]

Ngày nhận bài: 01 tháng 6 năm 2026

Ngày nhận bài sửa: 18 tháng 6 năm 2026; Ngày duyệt đăng: 19 tháng 6 năm 2026

TÓM TẮT

Bài viết phân tích vai trò của nghiên cứu khoa học liên ngành trong việc xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển dài hạn, xem trường hợp tỉnh Quảng Ninh như một mô hình điển hình. Trên cơ sở tổng hợp các lý thuyết về liên ngành, sản xuất tri thức và xu hướng hội tụ khoa học, nghiên cứu chỉ ra rằng các vấn đề phát triển địa phương mang tính phức hợp không thể được giải quyết hiệu quả bằng cách tiếp cận đơn ngành, mà đòi hỏi sự tích hợp tri thức, phương pháp và sự tham gia của nhiều chủ thể. Thông qua phân tích các lợi thế, tiềm năng và thách thức của Quảng Ninh trong bối cảnh chuyển đổi từ kinh tế "nâu" sang "xanh", bài viết đề xuất bốn trụ cột phát triển mang tính tích hợp: (1) Xây dựng công nghiệp văn hóa và công nghiệp di sản; (2) Nghiên cứu hệ sinh thái biển – ven biển gắn với kinh tế biển xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; (3) Tổ chức không gian lãnh thổ theo hướng cân bằng giữa phát triển và bảo tồn; và (4) Phát triển nguồn nhân lực sáng tạo, liên ngành. Từ đó, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc thiết lập các nền tảng thể chế, cơ chế hợp tác và chương trình nghiên cứu dài hạn nhằm hiện thực hóa mô hình phát triển dựa trên tri thức, sáng tạo và bền vững. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa đối với Quảng Ninh mà còn gợi mở cách tiếp cận cho các địa phương trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *nghiên cứu liên ngành; chiến lược phát triển dài hạn; công nghiệp văn hóa và di sản; phát triển bền vững; Quảng Ninh.*

INTERDISCIPLINARY RESEARCH AND STRATEGIC PLANNING FOR LONG-TERM DEVELOPMENT: AN APPROACH BASED ON KEY INTEGRATED SECTORS IN QUANG NINH PROVINCE

Nguyen Van Hieu

Received: June 01, 2026

Revised: June 18, 2026; Accepted: June 19, 2026

ABSTRACT

This paper examines the role of interdisciplinary research in the formulation and implementation of long-term development strategies, taking Quang Ninh Province as a representative case study. Drawing on theoretical frameworks of interdisciplinarity, knowledge

[1] Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: nvhieu@vnu.edu.vn

production, and scientific convergence, the study argues that complex local development challenges cannot be effectively addressed through single-discipline approaches but require integrating diverse knowledge systems, methodologies, and stakeholder participation. Through an analysis of Quang Ninh's advantages, potentials, and challenges in the context of transitioning from a "brown" to a "green" economy, the paper proposes four integrated development pillars: (1) Developing cultural and heritage industries; (2) Research on marine and coastal ecosystems associated with the blue economy and climate change adaptation; (3) Spatial organization toward a balance between development and conservation; and (4) The development of a creative, interdisciplinary workforce. The study emphasizes the need to establish institutional frameworks, collaborative mechanisms, and long-term research programs to realize a development model grounded in knowledge, creativity, and sustainability. The findings not only contribute to the case of Quang Ninh but also offer methodological implications for other localities in Vietnam undergoing development model transformation.

Keywords: *Interdisciplinary research; long-term development strategy; cultural and heritage industries; sustainable development; Quang Ninh Province*

MỞ ĐẦU

Quảng Ninh, trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam hiện nay, đang nổi lên như một địa phương giàu tiềm năng, có nhiều lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh chiến lược. Với vị trí cửa ngõ vùng Đông Bắc và đóng vai trò là một đỉnh quan trọng trong tam giác phát triển kinh tế vùng Duyên hải Bắc Bộ, đồng thời kết nối với một không gian rộng lớn là Trung Quốc và vùng biển vịnh Bắc Bộ, nằm ở vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế Việt - Trung "Hai hành lang; Một vành đai" (hành lang nối với Nam Ninh và hành lang nối với Côn Minh, Trung Quốc và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ), Quảng Ninh không chỉ là tuyến đầu về kinh tế, quốc phòng, an ninh, mà còn là nơi hội tụ những giá trị đặc thù về di sản, văn hóa và sinh thái. Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long cùng với Yên Tử, Bạch Đằng; các di tích, làng nghề và hệ sinh thái biển - ven biển, đã và đang khẳng định Quảng Ninh là không gian vừa có chiều sâu lịch sử, vừa mở ra tầm nhìn phát triển hiện đại. Các lợi thế này trong thời gian gần đây càng được củng cố bởi sự phát triển của cơ sở hạ tầng giao thông hiện đại bao gồm các tuyến đường cao tốc, sân bay Vân Đồn và hệ thống cảng biển kết nối vùng đất này với nhiều trung tâm cư dân và kinh tế lớn ở Việt Nam và trên thế giới.

Dù vậy, nhìn vào sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh hiện nay, có thể thấy các yếu tố lợi thế bao gồm việc khai thác di sản (tôn giáo và thiên nhiên) phục vụ du lịch và khai thác tài nguyên thiên nhiên đã được tận dụng tới hạn. Trong khi đó, vùng đất này cũng đã và đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ từ sức ép của biến đổi khí hậu, nhu cầu bảo tồn và khai thác hợp lý tài nguyên - di sản, áp lực từ quá trình đô thị hóa - công nghiệp hóa, cũng như đòi hỏi ngày càng cao về lực lượng nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển… Tất cả những điều này đặt ra đòi hỏi cấp bách phải có những định hướng chiến lược hướng tới một mô hình

phát triển mới dựa trên nghiên cứu khoa học liên ngành, dài hạn, tiên phong và mang tính đột phá cho tỉnh trong bối cảnh đứng trước những cơ hội lớn để bứt phá trong kỷ nguyên chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Bài viết này trên cơ sở các lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn của việc phát triển tích hợp liên ngành trên thế giới sẽ tập trung nhận diện và đề xuất một số trụ cột nghiên cứu trọng yếu, gắn với lợi thế và yêu cầu phát triển đặc thù của tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn mới. Các trụ cột đó bao gồm: (1) Xây dựng nền công nghiệp văn hóa và công nghiệp di sản, tích hợp giữa kinh tế sáng tạo và kinh tế du lịch; (2) Nghiên cứu hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là vùng biển và ven biển, phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế biển xanh; (3) Tổ chức không gian lãnh thổ theo hướng tích hợp, bảo đảm cân bằng giữa phát triển công nghiệp - dịch vụ - đô thị và bảo tồn sinh thái - văn hóa; và (4) Phát triển nguồn nhân lực sáng tạo, gắn với đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức. Đây không chỉ là các yếu tố lõi có khả năng phát huy lợi thế và định hình sự chuyển đổi và phát triển kinh tế - xã hội ở Quảng Ninh trong tương lai một cách bền vững mà còn có khả năng đưa vùng đất này trở thành một trong những điển hình về mô hình phát triển mới gắn với kinh tế tri thức và sáng tạo đã và đang dần xuất hiện trên thế giới và ở Việt Nam.

1. NHẬN DIỆN TIỀM LỰC, THẾ MẠNH VÀ NHU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA QUẢNG NINH

Giữ một vị trí địa chiến lược ở vùng biên với đường biên giới đất liền dài hơn 118 km tiếp giáp Trung Quốc và đường bờ biển dài trên 250 km hướng ra vịnh Bắc Bộ, Quảng Ninh không chỉ có những lợi thế quan trọng để trở thành một trung tâm thương mại mà còn có cơ hội để trở thành các trung tâm công nghiệp cảng biển, năng lượng và du lịch quốc tế. Quảng Ninh có hệ thống đường cao tốc kết nối chặt chẽ với Hải Phòng nên ở trung tâm của chiến lược hợp tác kinh tế Việt Nam – Trung Quốc "Hai hành lang; Một vành đai". Quảng Ninh nằm trên con đường kết nối với biển của khu tự trị Quảng Tây và tỉnh Vân Nam Trung Quốc, đồng thời lại có đường bờ biển "nhìn ra" vịnh Bắc Bộ vô cùng rộng lớn. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, Quảng Ninh được xem như một cửa sổ mở để giao lưu hàng hóa, trao đổi tri thức, giao thoa văn hóa và hợp tác khu vực cũng như toàn cầu.

Về tài nguyên tự nhiên và di sản, Quảng Ninh là vùng đất hội tụ nhiều giá trị đặc thù hiếm có. Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có trên 640 di tích lịch sử - văn hoá, danh thắng được xếp hạng, gồm 8 di tích quốc gia đặc biệt, 56 di tích quốc gia, 103 di tích cấp tỉnh, 474 di tích được kiểm kê phân loại... Vịnh Hạ Long (Di sản thiên nhiên Thế giới được UNESCO hai lần vinh danh vào năm 1994, 2000; đồng thời được điều chỉnh ranh giới, bao gồm quần đảo Cát Bà (Hải Phòng) vào năm 2023) không chỉ là biểu tượng của du lịch Việt Nam mà còn là hệ sinh thái biển - đảo phong phú, có giá trị khoa học lớn. Các đảo như Cô Tô, Quan Lạn, Ngọc Vừng vừa giàu tiềm năng du lịch, vừa là những phòng thí nghiệm tự nhiên quan trọng để nghiên cứu về biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế biển xanh. Song song với thiên nhiên, Quảng Ninh cũng lưu giữ kho tàng di sản văn hóa đa dạng: từ khu di tích Yên Tử - trung tâm Phật giáo Trúc Lâm, chiến địa Bạch Đằng gắn liền với những chiến công oanh liệt trong lịch sử chống ngoại xâm, cho đến hệ thống đình chùa, lễ hội, làng nghề truyền thống. Sự kết hợp giữa di sản tự nhiên và di sản văn hóa đã định hình nên bản sắc độc

đáo của Quảng Ninh, khiến nơi đây trở thành một bảo tàng sống ngoài trời của Việt Nam.

Trên phương diện kinh tế - xã hội, Quảng Ninh là một trong những địa phương năng động bậc nhất cả nước, với tốc độ tăng trưởng luôn ở mức cao và GRDP bình quân đầu người dẫn đầu nhiều năm liền. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 của tỉnh đạt 10,4%/năm, cao gấp 1,7 lần so với mức bình quân chung cả nước. Đặc biệt, tính đến hết năm 2025, quy mô nền kinh tế của Quảng Ninh đã đạt 368.445 tỷ đồng, ghi nhận tốc độ tăng trưởng năm 2025 đạt 11,89% - dẫn đầu toàn quốc - đưa GRDP bình quân đầu người cán mốc 10.402 USD[2]. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch rõ rệt, từ "nâu" sang "xanh", nghĩa là từ chỗ phụ thuộc vào khai thác than sang phát triển mạnh mẽ các ngành dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến, năng lượng sạch và hạ tầng hiện đại. Ngành du lịch nổi lên như một động lực mũi nhọn, đón hàng triệu lượt khách quốc tế và nội địa mỗi năm, đóng góp lớn cho ngân sách địa phương. Theo báo cáo của Sở Du lịch Quảng Ninh, năm 2024, tỉnh Quảng Ninh hoàn thành chỉ tiêu đón 19 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt hơn 3,5 triệu lượt, tổng thu du lịch ước đạt 46.460 tỷ đồng. Các lễ hội như Yên Tử, Carnaval Hạ Long, hay chuỗi sự kiện gắn với Bạch Đằng, bên cạnh thu hút du khách, còn trở thành sản phẩm "thương hiệu" cho hình ảnh địa phương. Đồng thời, hệ thống hạ tầng chiến lược bao gồm cao tốc, cảng biển, sân bay quốc tế Vân Đồn đã mở ra không gian phát triển mới, khẳng định vị thế Quảng Ninh như một cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc.

Tuy nhiên, song hành với những tiềm năng và thành tựu đó, Quảng Ninh cũng phải đối mặt với nhiều thách thức. Quá trình khai thác than kéo dài nhiều thập kỷ đã để lại những hệ lụy nặng nề cho môi trường trong khi mực nước biển dâng, xói mòn bờ biển và các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng đe dọa trực tiếp đến cuộc sống của người dân và hệ sinh thái ven bờ. Vấn đề lớn được đặt ra là phải có những giải pháp mạnh về quy hoạch để vừa đảm bảo được cuộc sống, sinh kế của người dân khu vực ven biển và hải đảo, vừa phát triển được du lịch và kinh tế gắn với biển một cách bền vững và thích ứng tích cực với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng tạo ra áp lực đối với việc cân bằng giữa phát triển công nghiệp - dịch vụ và bảo tồn văn hóa - sinh thái. Công tác quản trị và khai thác giá trị tài nguyên di sản trong việc phát triển du lịch tại các khu vực vịnh Hạ Long, Yên Tử và Bạch Đằng cũng đang dần đứng trước nguy cơ quá tải khi chủ yếu tập trung vào các mô hình du lịch giá rẻ và đại chúng tạo ra giá trị thặng dư thấp trong khi chưa chú trọng phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị lâu dài của di sản nếu như bị khai thác quá mức. Nhìn vào sự phát triển của du lịch của Quảng Ninh, có thể thấy, trong những năm tới, du lịch sẽ chỉ có thể phát triển được nếu có những giải pháp mạnh để tạo sự tái cân bằng giữa du lịch đại chúng và du lịch chất lượng cao, đa dạng hoá các loại hình sản phẩm du lịch và tăng thời gian lưu trú của khách du lịch thay vì chạy theo số lượng khách đến với địa phương.

Tất cả những vấn đề đó đều đã được hệ thống chính trị nhận diện sâu sắc nhưng từ

[2] Thông tấn xã Việt Nam, *Giai đoạn 2021 – 2025 GRDP của Quảng Ninh gấp 1,7 lần mức bình quân chung cả nước*. Link: https://infographics.vn/giai-doan-2021-2025-grdp-cua-quang-ninh-gap-17-lan-muc-binh-quan-chung-ca-nuoc/217370.vna; xuất bản: Thứ tư, 24/09/2025 14:55 (GMT+7). Truy cập 01/6/2026.

đó lại đặt ra những vấn đề về nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển. Trong những năm qua, Quảng Ninh đã có những đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống giáo dục trong đó có giáo dục đại học nhưng mô hình đào tạo vẫn còn nặng về những lĩnh vực truyền thống về kinh tế, du lịch trong khi đó, khả năng cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao tại chỗ đặc biệt là nguồn nhân lực về các lĩnh vực sáng tạo có tư duy liên ngành gắn với công nghiệp văn hóa sáng tạo, công nghệ và chuyển đổi số, vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Từ bối cảnh ấy, yêu cầu đặt ra đối với Quảng Ninh trong giai đoạn tới là xây dựng một mô hình phát triển bền vững và mang lại giá trị cao dựa trên nguyên tắc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân. Điều này đòi hỏi tỉnh phải đa dạng hóa nền kinh tế, coi công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo và kinh tế di sản là những trụ cột mới bên cạnh du lịch, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Kinh nghiệm phát triển du lịch của một số địa phương ở Việt Nam trong hơn một thập kỷ qua đã cho thấy sự gia tăng đáng kể về hiệu quả kinh tế thông qua việc mở rộng các hoạt động văn hóa nghệ thuật trên nền tảng khai thác các giá trị tài nguyên di sản. Chẳng hạn, trong thời gian qua, thông qua việc đăng cai các festival nghệ thuật quốc tế như liên hoan phim, lễ hội pháo hoa, thành phố Đà Nẵng đã dần trở thành một trong các điểm đến về văn hóa hơn là với chức năng nghỉ dưỡng của một đô thị với bãi biển đẹp. Điều này đặt ra yêu cầu nâng cao hàm lượng văn hoá, nghệ thuật, sáng tạo trong các sản phẩm du lịch của Quảng Ninh cũng như tạo ra các sản phẩm văn hóa mang tính điểm nhấn đủ thu hút du khách. Đó chính là con đường gia tăng giá trị của di sản trong các hoạt động kinh tế.

Bên cạnh đó, những vấn đề về môi trường của tỉnh cũng được đặt ra một cách cấp thiết. Lịch sử 100 năm phát triển ngành than để lại cho Quảng Ninh những hệ quả lớn về môi trường phải giải quyết, đồng thời, sự bùng nổ về du lịch trong khoảng 20 năm trở lại đây cũng làm tăng thêm gánh nặng môi trường. Điều này buộc Quảng Ninh phải đẩy mạnh các nghiên cứu và giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, phục hồi môi trường (để phục vụ dân sinh và du lịch) sau khai thác than, phát triển năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn. Con đường thực tế của nhiều thành phố công nghiệp trên thế giới đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm về việc chuyển đổi mô hình phát triển từ định hướng phát triển lấy khai thác tài nguyên làm trung tâm sang mô hình thúc đẩy kinh tế tri thức và sáng tạo. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi sự quyết tâm cao và sự chuẩn bị tích cực của chính quyền các thành phố đó trong việc nâng cao trình độ dân trí cũng như sự thay đổi về nhận thức của toàn bộ cư dân.

Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của tỉnh về kinh tế cũng như những chiến lược phát triển tiếp theo của quốc gia, khu vực Đồng bằng sông Hồng và của chính Quảng Ninh cũng đặt ra những vấn đề lớn về quy hoạch. Nhiệm vụ đặt ra hết sức cấp bách là tổ chức lại không gian phát triển sao cho hợp lý, bảo đảm sự kết nối vùng, tối ưu hóa hạ tầng đô thị - công nghiệp - dịch vụ mà vẫn duy trì bản sắc sinh thái - văn hóa đặc thù. Đây là một yêu cầu mang tính tất yếu nhằm đồng bộ hóa chiến lược phát triển trung tâm đồng thời tạo ra một cơ sở hạ tầng thích hợp cho sự phát triển đột phá của địa phương.

Cuối cùng, nhiệm vụ then chốt và có ý nghĩa mang tính sống còn đối với Quảng Ninh trong quá trình chuyển đổi sắp tới là việc phát triển đội ngũ nhân lực về công

nghiệp văn hóa, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có chất lượng cao. Khác với các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật truyền thống, yêu cầu nhân lực về công nghiệp văn hóa - sáng tạo trong thời đại mới đòi hỏi một tư duy liên ngành, có khả năng tham gia vào nhiều khâu khác nhau của một nền công nghiệp văn hóa cũng như làm chủ và khai thác được các yếu tố công nghệ nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho các sản phẩm dịch vụ văn hóa hơn là các năng lực thẩm mỹ nghệ thuật đơn thuần. Đó phải là lực lượng lao động có năng lực hội nhập sâu rộng với các xu hướng phát triển của thế giới.

Tóm lại, nhìn vào sự phát triển và đối chiếu với tiềm năng của Quảng Ninh, có thể thấy vấn đề lớn nhất đặt ra đối với tỉnh chính là xây dựng một mô hình phát triển mới chuyển từ khai thác tài nguyên, bao gồm tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên di sản, cảnh quan, sang khai thác sử dụng hợp lí tài nguyên nhằm mang lại giá trị cao để bảo đảm phát triển bền vững. Để đạt được điều đó, một mặt cần nhận diện một nguồn tài nguyên quan trọng mà cho đến nay chưa được nhận thức đúng: tài nguyên văn hoá, mặt khác, cần có những tiếp cận mới trong nghiên cứu và hoạch định chính sách mà ứng dụng nghiên cứu liên ngành chính là nền tảng quan trọng của tiếp cận đó. Rõ ràng, yêu cầu và những vấn đề đặt ra cho sự phát triển của Quảng Ninh trong bối cảnh mới đã khiến vùng đất này hội tụ đầy đủ những điều kiện để trở thành một "phòng thí nghiệm sống" và sinh động cho các nghiên cứu và ứng dụng liên ngành. Việc triển khai theo hướng tiếp cận này không chỉ là thử nghiệm quan trọng để Quảng Ninh có thể khám phá cơ hội tìm ra con đường phát triển mang tính bước ngoặt của mình trong thời gian tới mà còn là bước chuẩn bị tích cực góp phần vào xu hướng chuyển đổi chung của đất nước và thế giới.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH, DÀI HẠN, TIÊN PHONG

Có thể nói một trong những bước chuyển biến quan trọng của tư duy khoa học trong sự phát triển của nhân loại trong khoảng hơn một thế kỷ vừa qua là quá trình chuyển đổi dần từ tiếp cận bộ phận, đơn ngành sang tiếp cận liên ngành và hệ thống. Thực tiễn của việc giải quyết hầu hết các vấn đề phức tạp trên thế giới cho đến hiện nay đều không thể tách rời khỏi việc đặt nó trở thành câu hỏi và mục tiêu giải quyết nhằm thu hút sự quan tâm của chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong khi đó, tự thân các thực tiễn xã hội, đặc biệt là các vấn đề phát triển cũng hàm chứa tính đa dạng và phức tạp khi nó liên đới đến cả môi trường tự nhiên và xã hội cũng như sự chi phối của nhiều bên liên quan.

Lý thuyết về liên ngành đồng thời nhấn mạnh rằng các vấn đề nan giải (wicked problems) không thể được giải quyết trọn vẹn bởi một ngành đơn lẻ; thay vào đó, cần kết hợp khung hiểu biết, phương pháp và ngôn ngữ từ nhiều ngành để xây dựng giải pháp tổng hợp, đồng thời tích hợp các chủ thể bên ngoài khoa học (nhà quản lý, doanh nghiệp, cộng đồng) vào quá trình sản xuất tri thức. Quan điểm này được hệ thống hóa trong các nghiên cứu nền tảng về liên ngành, đặc biệt là công trình của Julie Thompson Klein (1990), người đã cung cấp cơ sở lịch sử và lý thuyết cho khái niệm interdisciplinarity, nhấn mạnh tính liên kết giữa tri thức chuyên ngành và nhu cầu thực tiễn trong sản xuất tri thức đương đại.

Theo Repko và Szostak (2017), "nghiên cứu liên ngành là một quá trình trả lời một câu hỏi, giải quyết một vấn đề hoặc xem xét một chủ đề, cái mà quá rộng lớn và phức tạp

đối với một lĩnh vực chuyên ngành. Vì thế, liên ngành được xây dựng trên cơ sở của các chuyên ngành với mục tiêu là tích hợp các ý tưởng để xây dựng một nhận thức rộng lớn hơn" (Repko & Szostak, 2017, p. 21). Các đặc trưng cơ bản của nghiên cứu liên ngành hiện đại đó là: tích hợp (integration), hợp tác (collaboration) và trao đổi (communication) trong đó tích hợp được xem như là mục tiêu và nền tảng chính, hợp tác là hình thức tổ chức triển khai và trao đổi là phương thức cơ bản, có tính chất sống còn để duy trì sự hợp tác và đạt được sự tích hợp. Chính nhờ sự tích hợp này mà thay vì chỉ quan tâm giải quyết từng khía cạnh đơn lẻ, liên ngành đem đến một hệ thống tri thức tổng hợp, khả năng tư duy bao quát cũng như mục tiêu hướng đến việc xây dựng một hệ thống giải pháp đồng bộ.

Khái niệm "Mode 2" (sản xuất tri thức mới) do Gibbons và cộng sự đề xuất (1994) cũng là một khung lý luận hữu ích khi xây dựng chương trình nghiên cứu cho Quảng Ninh. Theo đó, sản xuất tri thức đang dịch chuyển từ mô hình "Mode 1" gắn chặt với các ranh giới ngành truyền thống sang một mô hình mở, nơi tri thức được sản xuất trong bối cảnh ứng dụng, liên kết đa ngành và nhiều bên liên quan. Điều này lý giải vì sao các đề xuất nghiên cứu hướng tới giải quyết vấn đề vùng như phát triển kinh tế di sản hay quản lý hệ sinh thái ven biển cần thiết kế theo dạng "convergence"/liên kết xuyên ngành.

Ở cấp độ chính sách nghiên cứu và tổ chức, xu hướng "Convergence" (hội tụ khoa học – thúc đẩy tích hợp giữa khoa học đời sống, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và nhân văn/xã hội) do Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ trình bày (National Academies of Sciences, Engineering, and Medicine, 2014) cung cấp chỉ dẫn rõ ràng cho việc thiết kế thể chế và cơ chế tài trợ: nghiên cứu dài hạn, cơ sở hạ tầng chung, các trung tâm liên ngành, và các chương trình đào tạo/đồng hành cùng địa phương là những yếu tố then chốt để tạo ra nghiên cứu tiên phong, đột phá và có khả năng chuyển giao. Áp dụng nguyên lý này cho Quảng Ninh nghĩa là cần thiết lập các nền tảng thể chế (ví dụ: trung tâm nghiên cứu liên ngành đặt tại tỉnh, quỹ đặt hàng nghiên cứu dài hạn, hợp đồng khoa học – chính quyền) để các nhóm nghiên cứu từ trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cộng đồng cùng hợp tác.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu liên ngành đã từng được tiến hành và giúp giải quyết một số vấn đề cụ thể như trường hợp các dự án phát triển quy mô nhỏ ở địa phương, trong đó nhấn mạnh tới sự tham gia của cộng đồng và sự cân bằng giữa phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi môi trường. Điều này dẫn tới sự khẳng định của nhiều học giả nghiên cứu khu vực học trước đây về vị trí của nghiên cứu liên ngành trong việc xây dựng định hướng phát triển tổng thể cho các địa phương. Tuy nhiên, có thể thấy, ở cấp độ một không gian hành chính cấp tỉnh, cho đến nay chưa một mô hình phát triển cụ thể mang tính tổng thể nào được xây dựng.

Theo quan điểm của các học giả về nghiên cứu liên ngành trên thế giới, một trong những yếu tố có thể đảm bảo sự thành công của tiếp cận liên ngành đó là việc tạo ra một cơ chế liên thông thường xuyên thông qua một hệ thống thể chế được vận hành thống nhất. Trong khi mô hình tổ chức khoa học ở Việt Nam thường duy trì theo hướng chuyên ngành với việc phân chia chuyên gia theo các lĩnh vực tương đối cụ thể, yêu cầu của nghiên cứu liên ngành đòi hỏi sự tích hợp một thể chế chung giữa các lĩnh

vực khoa học đời sống, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và nhân văn/xã hội; hướng tới một nghiên cứu dài hạn, một cơ sở hạ tầng chung trên nền tảng các trung tâm liên ngành, và các chương trình đào tạo/đồng hành cùng địa phương. Đây là những yếu tố then chốt để tạo ra nghiên cứu tiên phong, đột phá và có khả năng chuyển giao. Điều này thực sự là một thách thức to lớn đối với không chỉ cộng đồng các nhà khoa học tại Việt Nam (đã có gần một thế kỷ phát triển các thể chế khoa học chuyên ngành sâu) mà đồng thời cũng là khó khăn chung của nhiều cộng đồng trên thế giới.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển hiện nay ở nhiều quốc gia trên thế giới đã chỉ ra sự thành công của việc giải quyết các vấn đề liên ngành ngày càng trở nên phổ biến hơn, đặc biệt trong việc xây dựng chiến lược và chuyển đổi mô hình phát triển của nhiều nơi trên thế giới tương tự như Quảng Ninh. Một trong những ví dụ điển hình là sự chuyển đổi ngoạn mục của thành phố Busan, Hàn Quốc - một cảng biển lớn và trung tâm công nghiệp nặng quan trọng của Hàn Quốc trong nhiều thập kỷ. Vào cuối thế kỷ trước, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, khủng hoảng công nghiệp nặng và suy giảm thương mại truyền thống khiến thành phố đối mặt với thất nghiệp, di cư và suy thoái đô thị, chính quyền thành phố đã thực hiện một nghiên cứu tổng thể các nguồn lực của thành phố và định hướng nơi đây trở thành một trung tâm kinh tế sáng tạo và văn hóa. Các không gian vốn là các khu bến cảng - nhà kho từng bước được chuyển đổi trở thành các trung tâm sáng tạo - nghệ thuật trong khi nơi đây nhanh chóng trở thành điểm đến khi hàng loạt các liên hoan phim quốc tế được tổ chức trong đó Liên hoan phim Busan trở thành một trong những liên hoan phim lớn nhất châu Á. Sau gần hai thập kỷ, Busan dần được biết đến là một thành phố du lịch và sáng tạo, nơi hàng vạn lao động làm việc trong các lĩnh vực sáng tạo như thiết kế game, giải trí văn hóa sống và làm việc, làm thay đổi hoàn toàn diện mạo và cư dân đô thị. Một minh chứng khác ở quy mô hòn đảo/tiểu vùng là Jeju (Hàn Quốc), nơi quản trị di sản biển, phát huy bản sắc văn hóa địa phương (ví dụ hệ thống nữ ngư dân Haenyeo), và các sáng kiến liên ngành trong quản lý du lịch bền vững đã được UNESCO và nhiều tổ chức quốc tế ghi nhận (Kim và cộng sự, 2019). Jeju là minh chứng cho thấy việc bảo tồn sinh kế truyền thống, phát triển du lịch và đổi mới sáng tạo có thể được kết hợp hài hoà nếu có chính sách hỗ trợ, sự tham gia của cộng đồng và liên kết đa ngành, vốn rất tương thích với tiềm năng các đảo, vùng ven biển và cộng đồng ven bờ của Quảng Ninh.

Một trường hợp điển hình khác khi các chuyên gia và nhà khoa học đã đưa ra hàng loạt các khuyến nghị để đưa một đô thị chuyển mình nhờ sự thay đổi mô hình phát triển là Bilbao - một trung tâm công nghiệp nặng và khai thác (thép, đóng tàu, hóa chất) của Tây Ban Nha. Từ cuối thế kỷ XX, thành phố này đã phải đối mặt với thực trạng nguồn tài nguyên suy kiệt, công nghiệp truyền thống suy tàn, tỷ lệ thất nghiệp cao, môi trường ô nhiễm nặng. Thay vì tiếp tục dựa vào công nghiệp nặng, Bilbao lựa chọn chiến lược phát triển dựa trên kinh tế tri thức, trong đó tập trung vào thực hiện tái thiết đô thị khi biến bờ sông công nghiệp thành không gian công cộng, trung tâm sáng tạo, nghệ thuật và dịch vụ, đồng thời thúc đẩy hạ tầng tri thức, đầu tư vào giáo dục, các trung tâm nghiên cứu và trường đại học, thu hút ngành công nghệ thông tin, thiết kế, dịch vụ sáng tạo, du lịch văn hóa. Hệ quả tất yếu là Bilbao đã trở thành khái niệm quốc tế chỉ sự phục hưng kinh tế - xã hội nhờ văn hóa và sáng tạo. Tỷ

trọng công nghiệp nặng giảm mạnh, thay vào đó là dịch vụ, sáng tạo và du lịch, thu hút hàng triệu du khách mỗi năm, tạo ra hàng chục nghìn việc làm mới. Hình ảnh Bilbao cũng thay đổi từ "thành phố công nghiệp suy tàn" thành "thủ phủ văn hóa - sáng tạo của châu Âu".

Các minh chứng kể trên đã cho thấy sự thay đổi về quan điểm tư duy cũng như cách tiếp cận tổng thể, quyết tâm của tập thể lãnh đạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của một địa phương. Tại Việt Nam, ở tầm quốc gia, ba chiến lược lớn gần đây đã tạo khung định hướng quan trọng cho Quảng Ninh trong việc phát triển theo tiếp cận liên ngành. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số 569/QĐ-TTg, 2022) nhấn mạnh nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, thúc đẩy công nghệ mới và xây dựng liên kết chặt chẽ giữa nhà nước - viện, trường - doanh nghiệp - cộng đồng. Tinh thần này gợi mở cho Quảng Ninh cách tổ chức các chương trình nghiên cứu dài hạn, liên ngành và định hướng ứng dụng, nhất là trong kinh tế biển, quản trị di sản và công nghiệp sáng tạo. Song hành, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1909/QĐ-TTg, 2021) đặt mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (QĐ 2486/QĐ-TTg, 2025) xác định công nghiệp văn hóa là động lực mới cho tăng trưởng, nhấn mạnh vai trò của sáng tạo, di sản và đổi mới trong phát triển bền vững. Đây là cơ sở để Quảng Ninh định hình văn hóa - di sản - sáng tạo như trụ cột chiến lược, bổ sung cho các ngành công nghiệp, dịch vụ và công nghệ, qua đó gắn kết nghiên cứu khoa học liên ngành với phát triển địa phương.

Hình 1: Chuỗi giá trị liên ngành từ nghiên cứu cơ bản đến thực tiễn áp dụng chính sách tạo thành *"vòng lặp đổi mới sáng tạo"* giúp Quảng Ninh phát triển bền vững

Từ góc nhìn thực nghiệm và lý luận nêu trên, có thể rút ra một số nguyên tắc thiết kế chương trình nghiên cứu liên ngành cho Quảng Ninh: (1) đặt mục tiêu nghiên cứu trong bối cảnh ứng dụng địa phương và gắn với nhu cầu chính sách (mission-driven); (2) xây dựng thể chế và cơ chế tài chính cho nghiên cứu dài hạn, khuyến khích hợp tác liên trường, liên viện và công-tư; (3) triển khai mô hình "phòng thí nghiệm sống" (living lab) tại địa phương để thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng mô hình; (4) kết hợp đào tạo nguồn nhân lực liên ngành, tạo lực lượng trung gian (knowledge brokers) để chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý; và (5) thiết kế cơ chế đánh giá tác động đa chiều (kinh tế, sinh thái, văn hóa, xã hội) nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Những nguyên tắc này vừa phù hợp với kinh nghiệm quốc tế vừa có thể được tùy biến theo điều kiện đặc thù của Quảng Ninh.

3. ĐỀ XUẤT CÁC TRỤ CỘT TRỌNG YẾU PHÁT TRIỂN QUẢNG NINH THEO HƯỚNG TÍCH HỢP LIÊN NGÀNH

Trên cơ sở phân tích các nguồn lực, nhu cầu, thế mạnh của Quảng Ninh cũng như dựa trên các vấn đề lý luận thực tiễn và tổng kết kinh nghiệm thực tế của các mô hình phát triển tương tự trên thế giới, tác giả của bài viết cho rằng việc xây dựng một mô hình phát triển liên ngành trên nền tảng của sự chuyển đổi quan điểm phát triển kinh tế - xã hội từ việc dựa vào tài nguyên sang mô hình phát triển dựa vào tri thức và kinh tế sáng tạo hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra những nền tảng cần thiết cho sự phát triển của Quảng Ninh trước bối cảnh mới của đất nước và thế giới. Tổng thể bức tranh phát triển Quảng Ninh trong tương lai được xây dựng trên nền tảng bốn hướng trụ cột phát triển chính có mối quan hệ tương hỗ và không thể tách rời.

Trụ cột 1: Xây dựng nền công nghiệp văn hóa và công nghiệp di sản, tích hợp giữa kinh tế sáng tạo và kinh tế du lịch

Quảng Ninh, với lợi thế đặc biệt về tài nguyên di sản và cảnh quan, có một nền tảng hiếm có để phát triển công nghiệp văn hóa gắn với công nghiệp di sản. Các di sản nổi bật như vịnh Hạ Long, Yên Tử, Bạch Đằng không chỉ mang giá trị văn hóa - lịch sử, mà còn là những "tài sản kinh tế" khi được tích hợp vào chuỗi giá trị sáng tạo. Trước đây, vịnh Hạ Long được ước tính mang lại giá trị du lịch trực tiếp khoảng 124 tỷ đồng vào năm 2020 (Hoàng và cộng sự, 2023). Tuy nhiên, nếu áp dụng cách tiếp cận lượng giá toàn diện đa chiều - như Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật từng thực hiện với Quần thể danh thắng Tràng An (Ha, N. T. V. và cộng sự 2025a, 2025b; Duyen, T.N.L, 2026), con số này có thể tăng lên nhiều lần. Vấn đề ở đây không chỉ là những con số trên giấy tờ mà là một sự thay đổi nhận thức hướng đến những phương thức hành động mới. Với tiếp cận lượng giá toàn diện đa chiều, Quảng Ninh hoàn toàn có thể xác định rõ hơn tiềm năng kinh tế - xã hội tổng thể của các di sản, bao gồm không chỉ đơn ngành du lịch mà còn tác động lan tỏa tới thương hiệu địa phương, sức mạnh mềm văn hóa, và sự gắn kết cộng đồng.

Khái niệm "công nghiệp di sản" được nhiều học giả quốc tế và trong nước đề cập như một lĩnh vực giao thoa giữa kinh tế và văn hóa, nơi giá trị di sản được chuyển hóa thành sản phẩm công nghiệp sáng tạo. Như Robert Hewison (1987) từng chỉ ra, di sản trong xã hội đương đại không chỉ được bảo tồn mà đã trở thành một "ngành công nghiệp" vận hành theo nguyên tắc thị trường. Tiếp nối, các học giả như Graham,

Ashworth & Tunbridge (2000) nhấn mạnh di sản vừa là tài nguyên kinh tế vừa là chất liệu bản sắc, có thể được khai thác hiệu quả mà không đánh mất tính xác thực. Điều này cho thấy, với Quảng Ninh, công nghiệp di sản không chỉ là phát triển du lịch đơn thuần, mà là sự kiến tạo một hệ sinh thái công nghiệp văn hóa dựa trên di sản, bao gồm: du lịch di sản, nghệ thuật biểu diễn, bảo tàng số, thủ công mỹ nghệ, thiết kế thời trang, công nghiệp nội dung số, và các không gian sáng tạo gắn với cộng đồng. Nhìn vào những chỉ số tăng trưởng du lịch của Quảng Ninh, có thể thấy, nếu được tích hợp trong một hệ sinh thái công nghiệp văn hóa - công nghiệp di sản, giá trị lan tỏa sẽ không chỉ dừng lại ở con số doanh thu, mà còn góp phần định vị Quảng Ninh như một trung tâm sáng tạo và giao lưu quốc tế.

Đặc biệt, Quảng Ninh đã có những bước đi mạnh mẽ trong định hướng phát triển công nghiệp văn hóa. Sau khi Chính phủ ban hành "Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030", tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trong đó xác định phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn với các lợi thế của Quảng Ninh về: biểu diễn văn hóa, nghệ thuật; mua sắm; tham quan du lịch đêm; văn hóa ẩm thực, dịch vụ ăn uống về đêm; xây dựng Quảng Ninh trở thành một điểm đến sôi động, hấp dẫn, đặc sắc, tạo thêm các động lực mới để phát triển kinh tế - xã hội, chuyển từ "kinh tế du lịch" sang "kinh tế di sản và văn hóa", tích hợp sáng tạo và giá trị gia tăng cao.

Hình 2: Quảng Ninh, với sự phong phú đa dạng và đặc sắc di sản tự nhiên cùng di sản văn hóa, hoàn toàn có đủ nguồn lực cho phát triển công nghiệp di sản, công nghiệp văn hóa

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: phát triển công nghiệp văn hóa và công nghiệp di sản chính là trụ cột quan trọng để Quảng Ninh định vị trở thành "trung tâm văn hóa - sáng tạo" của khu vực và quốc gia. Các công nghệ số như thực tế ảo (VR/AR), trí tuệ nhân tạo (AI), hay nền tảng dữ liệu mở có thể giúp tái hiện, quản lý và phân phối giá trị di sản theo mô hình nội dung số toàn cầu. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 5/2/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tỉnh đã tiếp tục đẩy mạnh thực hiện số hóa không gian, bảo vật, hiện vật trưng bày. Đến thời điểm 30/6/2025, đã có 370/370 địa chỉ đỏ, di tích lịch sử, văn hóa... được triển khai gắn mã QR Code[3]. Điều này không chỉ gia tăng sức hấp dẫn du lịch, tăng tính tương tác mà còn tạo động lực mới cho kinh tế sáng tạo, khẳng định vị thế Quảng Ninh trên bản đồ di sản và công nghiệp văn hóa quốc gia, quốc tế. Trên nền tảng di sản thế giới vịnh Hạ Long cùng các cụm di sản giàu giá trị khác, Quảng Ninh có thể thiết lập một hệ sinh thái sáng tạo tích hợp, kết nối giữa bảo tồn - sáng tạo - thương mại hóa - lan tỏa, qua đó nâng cao sức cạnh tranh quốc tế, tạo động lực cho phát triển kinh tế bản sắc và hội nhập toàn cầu.

Một hướng phát triển quan trọng khác là nghệ thuật thị giác và không gian nghệ thuật công cộng. Với các trung tâm đô thị như Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, hay các khu khai thác than cũ và làng nghề ven biển, Quảng Ninh có thể trở thành một bảo tàng mở - nơi nghệ thuật gắn liền với đời sống cộng đồng. Các dự án nghệ thuật công cộng không chỉ nâng cao thẩm mỹ đô thị, mà còn tạo điểm nhấn du lịch, thúc đẩy kinh tế sáng tạo và quảng bá thương hiệu tỉnh ra tầm quốc tế. Kinh nghiệm Kassel (Đức) với Documenta hay Jeju (Hàn Quốc) cho thấy, khi nghệ thuật công cộng được kết hợp chiến lược với quy hoạch đô thị và du lịch, nó có thể trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Theo định hướng này, một mặt, Quảng Ninh có thể gia tăng hàm lượng sáng tạo và tính độc đáo của những sự kiện văn hoá đã có như Lễ hội Yên Tử, Carnaval Hạ Long hay chuỗi sự kiện gắn với không gian lịch sử Bạch Đằng;mặt khác, có thể chủ động kiến tạo một số sự kiện mang tính thường niên mới trong lĩnh vực nghệ thuật – sáng tạo để tạo bản sắc cho địa phương, biến Quảng Ninh trở thành một trung tâm văn hoá – nghệ thuật – sáng tạo quan trọng của khu vực.

Trong tương lai, Quảng Ninh có thể xây dựng một số kịch bản phát triển không gian nghệ thuật mang tính khả thi và gắn với thế mạnh địa phương. Trước hết, khu vực ven biển Hạ Long có thể trở thành không gian nghệ thuật công cộng với các tác phẩm điêu khắc, sắp đặt gắn với cảnh quan biển đảo, tạo điểm nhấn cho tuyến du lịch ven bờ. Thứ hai, các khu khai thác than cũ có thể được tái thiết thành công viên di sản công nghiệp kết hợp không gian nghệ thuật công cộng, biến lịch sử công nghiệp than thành trải nghiệm văn hóa - sáng tạo độc đáo. Thứ ba, các làng nghề truyền thống và cộng đồng ven biển có thể trở thành không gian trình diễn nghệ thuật thị giác, thủ công mỹ nghệ và thiết kế sáng tạo, vừa bảo tồn bản sắc vừa tạo sinh kế mới cho người dân. Bên cạnh đó, việc tổ chức liên hoan nghệ thuật công cộng quốc tế tại Hạ Long định kỳ có thể đưa Quảng Ninh trở thành điểm đến của giới nghệ sĩ, nhà thiết kế và du khách toàn cầu. Những kịch bản này, nếu gắn với quy hoạch đô thị thông minh, xanh và sáng tạo (sẽ được đề cập trong trụ cột 3), sẽ tạo ra động lực mới để Quảng

[3] Thu Nguyệt. *Lan tỏa giá trị di sản - Bồi đắp bản sắc văn hóa Quảng Ninh*. Thứ 3, 25/11/2025 | 07:45:47 [GMT +7]. Nguồn:https://baoquangninh.vn/lan-toa-gia-tri-di-san-boi-dap-ban-sac-van-hoa-quang-ninh-3385897.html. Truy cập 30/5/2026.

Ninh định vị thương hiệu như một trung tâm văn hóa - sáng tạo hàng đầu khu vực. Để thực hiện các mục tiêu gắn với trụ cột phát triển kể trên, trong thời gian sắp tới, chính quyền địa phương cần thực hiện một loạt các biện pháp đồng bộ nhằm nâng tầm giá trị của những lễ hội đã có dựa trên công nghiệp văn hoá; đa dạng hoá các không gian văn hoá - nghệ thuật tạo sức hút điểm đến như không gian tâm linh ở Yên Tử; không gian tự nhiên vịnh Hạ Long, không gian đô thị ở những phường thuộc Hạ Long và Uông Bí (cũ), không gian các làng đa dạng theo tộc người và địa bàn (làng người Kinh, người dân tộc, khu nuôi trồng thuỷ/hải sản trên biển dù làng nổi nay đã định cư), đồng thời thực hiện chuyển đổi các di sản công nghiệp trở thành các không gian đặc trưng gắn với địa phương; chuyển đổi số để tạo sự hấp dẫn cho các thiết chế văn hoá đã có (bảo tàng - thư viện) cũng như tạo thêm các sự kiện như liên hoan nghệ thuật để tạo thêm nét độc đáo tăng cường nhận diện của địa phương.

Trụ cột 2: Nghiên cứu hệ sinh thái tự nhiên biển - ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu

Với hơn 250 km bờ biển, hàng nghìn đảo lớn nhỏ cùng Di sản thiên nhiên thế giới là vịnh Hạ Long và Vườn quốc gia, Vườn Di sản ASEAN Bái Tử Long, Quảng Ninh được xem là một thủ phủ biển của miền Bắc. Hệ sinh thái biển và ven biển nơi đây giàu giá trị đa dạng sinh học, đồng thời giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế biển, du lịch và bảo đảm sinh kế cho hàng trăm nghìn ngư dân. Mặc dù vậy, sự phát triển công nghiệp, khai thác than, đô thị hóa và đặc biệt là tác động ngày càng khốc liệt của biến đổi khí hậu đang tạo ra nhiều sức ép lên hệ sinh thái tự nhiên của tỉnh. Các hiện tượng như nước biển dâng, xói mòn bờ biển, ô nhiễm từ khai thác và nuôi trồng thủy sản, và nguy cơ sự cố môi trường, thậm chí liên quan đến phóng xạ - hạt nhân từ khu vực lân cận, đang đặt ra những thách thức cấp bách cho tỉnh.

Do đó, việc đánh giá sức tải môi trường và nghiên cứu sinh thái biển – ven biển trở thành một nhiệm vụ khoa học quan trọng. Các kết quả từ những đề tài trước đây của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, như dự án đánh giá tổng hợp khả năng chống chịu và sức tải môi trường ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Ngãi, đã cho thấy hiệu quả của phương pháp tiếp cận liên ngành trong quản trị hệ sinh thái. Đối với Quảng Ninh, việc lượng hóa sức tải du lịch của vịnh Hạ Long hay đánh giá năng lực phục hồi của hệ sinh thái rừng ngập mặn, thảm cỏ biển và rạn san hô sẽ cung cấp bằng chứng khoa học để hoạch định chính sách phát triển bền vững, đồng thời hạn chế việc khai thác quá mức.

Song song với đó, ứng dụng công nghệ quan trắc hiện đại là trụ cột không thể thiếu. Các phương pháp quan trắc phóng xạ nhân tạo sử dụng sinh vật chỉ thị (như vẹm xanh) hay công nghệ GIS và viễn thám cho phép theo dõi, cảnh báo sớm các nguy cơ ô nhiễm, thiên tai ven biển. Trong những năm gần đây, Quảng Ninh cũng đã bắt đầu tích hợp GIS vào quy hoạch phát triển đô thị, quản lý du lịch và bảo tồn tài nguyên biển. Nếu được mở rộng và nâng cấp thành hệ thống cảnh báo tổng hợp, kết nối dữ liệu liên ngành (khí tượng - hải văn - sinh thái - kinh tế), Quảng Ninh có thể trở thành mô hình điểm về quan trắc và quản trị hệ sinh thái biển trong cả nước.

Hình 3: Mô hình Giá trị gia tăng cao trong việc hình thành phát triển kinh tế biển

Một định hướng chiến lược quan trọng khác là phát triển mô hình kinh tế biển xanh và kinh tế tuần hoàn. Với lợi thế về cảng biển, nuôi trồng thủy sản và du lịch biển, Quảng Ninh có thể tiên phong trong việc áp dụng các mô hình khai thác bền vững, giảm thiểu xả chất thải nhựa ra đại dương, thúc đẩy năng lượng tái tạo (điện gió ngoài khơi, điện mặt trời nổi), và tái sử dụng phụ phẩm thủy sản. Việc kết hợp nghiên cứu khoa học biển với đổi mới công nghệ và sáng tạo xã hội sẽ giúp tỉnh xây dựng chuỗi giá trị xanh, qua đó vừa bảo vệ môi trường vừa nâng cao thu nhập cho cộng đồng ven biển.

Trụ cột 3: Tổ chức không gian lãnh thổ theo hướng tích hợp, bảo đảm cân bằng giữa phát triển công nghiệp - dịch vụ - đô thị và bảo tồn sinh thái - văn hóa

Trong bối cảnh phát triển nhanh về công nghiệp, đô thị và du lịch, Quảng Ninh đứng trước thách thức lớn về tổ chức không gian lãnh thổ: làm sao để vừa khai thác tiềm năng phát triển, vừa duy trì sự bền vững của hệ sinh thái và giá trị di sản. Do đó, nhu cầu cấp thiết là xây dựng một chiến lược quy hoạch tích hợp đa ngành - kết nối công nghiệp, đô thị, du lịch và sinh thái trong một tổng thể hài hòa. Quy hoạch tích hợp không chỉ là giải pháp mang tính kỹ thuật, mà còn là phương thức giúp phát triển, cân bằng các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường, đồng thời tạo ra tầm nhìn dài hạn trong quản trị lãnh thổ.

Một trong những giải pháp quan trọng của trụ cột này là tạo lập các không gian phân vùng động lực - chức năng là những cực phát triển có khả năng dẫn dắt, lan tỏa sức mạnh cho toàn tỉnh. Ví dụ, Hạ Long có thể tiếp tục phát triển như trung tâm dịch vụ - du lịch quốc tế, Cẩm Phả - Vân Đồn được định vị như trung tâm công nghiệp biển, năng lượng và logistics, còn khu vực Móng Cái giữ vai trò trung tâm thương mại biên giới, cửa ngõ kết nối với Trung Quốc. Cách tiếp cận này không gây phân tán nguồn lực mà tập trung xây dựng các "động cơ" phát triển, tạo hiệu ứng lan tỏa cho các khu vực khác.

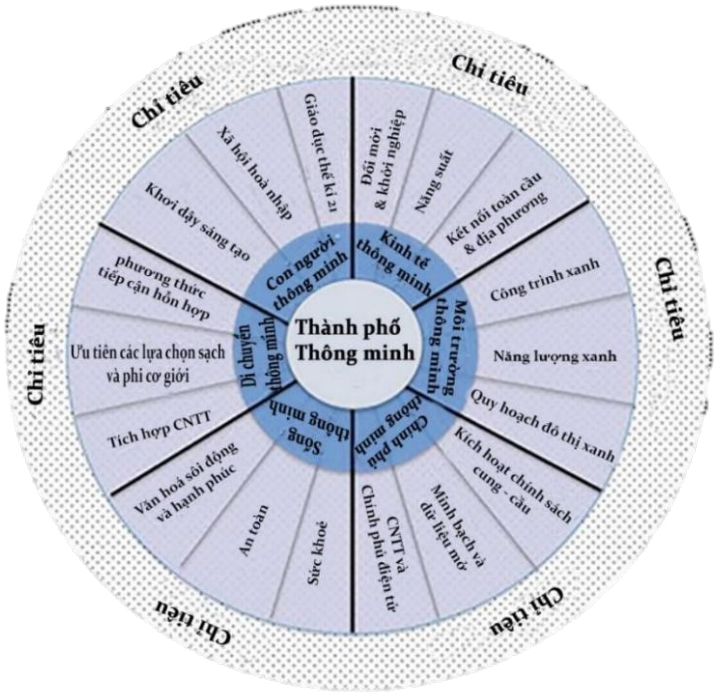

Hình 4: Sơ đồ các hợp phần của đô thị thông minh đòi hỏi nghiên cứu tích hợp liên ngành

Song song với đó, cần định hình mô hình phát triển cân bằng theo hướng "đô thị xanh - thông minh - sáng tạo". Điều này có nghĩa là các đô thị mới và khu công nghiệp phải gắn liền với chuẩn mực sinh thái, giảm phát thải carbon, ứng dụng công nghệ số trong quản trị và cung cấp dịch vụ công, đồng thời khuyến khích sáng tạo văn hóa và công nghiệp tri thức. Với đặc thù giàu tài nguyên di sản, Quảng Ninh có cơ hội trở thành nơi tiên phong trong việc xây dựng đô thị sinh thái kết hợp di sản - văn hóa - du lịch, như một "thương hiệu đô thị" đặc sắc của tỉnh. Công tác quy hoạch không nên chỉ dừng ở các khu vực đô thị mà còn cần lan toả đến cả các khu vực nông thôn, hải đảo để một mặt, đảm bảo chất lượng sống cao cho cư dân, mặt khác, tạo điểm nhấn phát triển du lịch. Thực tiễn cho thấy, không chỉ các danh lam thắng cảnh mà chính các khu dân cư được quy hoạch tốt, có truyền thống lâu đời và di sản văn hoá độc đáo, mức sống của người dân được đảm bảo cũng là một điểm đến du lịch quan trọng.

Ở cấp độ liên vùng, Quảng Ninh không thể phát triển một cách biệt lập mà cần thúc đẩy kết nối chiến lược với Hải Phòng, Lạng Sơn và các tỉnh vùng biên của Trung Quốc. Cận kề với Hải Phòng, Quảng Ninh có vị trí chiến lược quan trọng là gắn với cả hai hành lang (nối với Nam Ninh và nối với Côn Minh, Trung Quốc) và một vành đai (Vịnh Bắc Bộ) trong chương trình hợp tác kinh tế Việt - Trung "Hai hành lang; Một vành đai". Nếu được tổ chức tốt về mặt quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch hệ thống giao thông bao gồm cả đường bộ và đường sắt thì hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Hưng Yên có thể trở thành động lực công nghiệp và logistics của miền

Bắc, mở ra khả năng giao thương quốc tế mạnh mẽ. Việc gắn kết quy hoạch của Quảng Ninh với quy hoạch Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và "Hai hành lang; Một vành đai" Việt - Trung sẽ tạo ra vị thế chiến lược, giúp tỉnh không chỉ là một trung tâm của vùng mà còn là cầu nối quốc tế.

Cuối cùng, để hiện thực hóa các định hướng này, Quảng Ninh cần xây dựng chiến lược quản trị lãnh thổ và mô hình thể chế mang tính đột phá. Điều này bao gồm: áp dụng cơ chế đặc thù cho quy hoạch tích hợp; thiết lập các khu thí điểm phát triển đô thị - sinh thái - sáng tạo; cải cách quản trị đô thị, huy động sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển hạ tầng số đồng bộ. Nếu làm tốt, Quảng Ninh có thể trở thành hình mẫu của cả nước về quy hoạch lãnh thổ tích hợp, vừa phát triển mạnh mẽ công nghiệp - dịch vụ - đô thị, vừa gìn giữ được giá trị sinh thái và văn hóa bền vững.

Trụ cột 4: Phát triển nguồn nhân lực sáng tạo, gắn với đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức

Nguồn nhân lực sáng tạo hiện đang trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của mỗi địa phương. Với Quảng Ninh, phát triển nguồn nhân lực không chỉ là đáp ứng nhu cầu về lao động, mà còn là kiến tạo một lực lượng có khả năng kết nối tri thức đa ngành, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và định hình thương hiệu kinh tế tri thức cho tỉnh. Trong định hướng phát triển, Quảng Ninh xác định xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc và phát huy sức mạnh con người là một trong ba khâu đột phá giai đoạn 2020-2030. Nghị quyết 17-NQ/TU (2023) nhấn mạnh văn hóa và con người Quảng Ninh phải trở thành nguồn lực nội sinh cho phát triển nhanh, bền vững.

Trên nền tảng hợp tác giữa Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, ĐHQGHN và chính quyền địa phương, cùng các cơ sở đào tạo tại địa phương như Trường Đại học Hạ Long, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh,…, có thể xây dựng các chương trình đào tạo nhân lực liên ngành: quản trị tài nguyên di sản, công nghiệp văn hóa, du lịch, thiết kế và nghệ thuật, khoa học về phát triển bền vững, quản trị đô thị, quản lý môi trường, quản trị thương hiệu. Những chương trình này vừa gắn với thực tiễn địa phương, vừa tiệm cận chuẩn quốc tế, tạo ra lực lượng chuyên gia đa ngành phù hợp và có khả năng dẫn dắt sự thay đổi.

Song song, cần đẩy mạnh cơ chế hợp tác "trường - tỉnh - doanh nghiệp", biến Quảng Ninh thành không gian tri thức đổi mới sáng tạo. Tại đây, các nghiên cứu có thể được thử nghiệm trực tiếp trong đời sống, các mô hình mới được triển khai và nhân rộng. Việc này không chỉ mang lại giá trị kinh tế - xã hội mà còn tạo bản sắc mới cho Quảng Ninh như một địa phương tiên phong trong phát triển nhân lực sáng tạo, đóng góp quan trọng cho chiến lược trở thành trung tâm văn hóa - du lịch - đổi mới của cả nước.

KẾT LUẬN

Quảng Ninh đang bước vào giai đoạn phát triển mới, với khát vọng trở thành một trung tâm động lực ở khu vực phía Bắc và có vị thế quốc tế. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, tỉnh cần những định hướng mang tính tích hợp, dài hạn, tiên phong và đột phá, dựa trên cơ sở khoa học và sự kết hợp đa ngành: đi từ tư duy lý luận và thực tiễn, xây dựng khung hành động và các chiến lược động lực, thiết lập hạ tầng phát triển cho kinh tế di sản và kinh tế sáng tạo, thúc đẩy đổi mới hệ sinh thái phát triển (di sản - sáng tạo - nghệ thuật - khoa học - công nghệ), kiến tạo cấu

trúc không gian tổng thể và các chức năng mới, hình thành các chuỗi giá trị gia tăng cao trở thành nguồn lực nội sinh của địa phương. Cùng với đó, các dự án động lực và sự tham gia đa chủ thể (nhà nước, nhà đầu tư, nhà khoa học, cộng đồng và quốc tế) sẽ là cơ sở để bảo đảm sự vận hành hiệu quả.

Bài viết đã nhận diện và đề xuất bốn trụ cột trọng yếu để thúc đẩy sự phát triển của Quảng Ninh trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, để thúc đẩy phát triển hiệu quả, tối ưu và toàn diện, Quảng Ninh cần sớm xác lập các cơ chế đặt hàng nghiên cứu dài hạn, khuyến khích thí điểm các mô hình mới, đồng thời đầu tư vào cơ sở hạ tầng tri thức và nhân lực sáng tạo. Đây sẽ là nền tảng để Quảng Ninh vừa giữ vững vai trò một trung tâm kinh tế - du lịch - văn hóa hàng đầu, vừa trở thành hình mẫu của phát triển bền vững dựa trên di sản, sinh thái và sáng tạo trong kỷ nguyên mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2023). *Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 về xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững.*

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2022). *Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

Duyen, T. N. L., Han, T. T., Anh, H. H., Van Hieu, N., Chi, N. C., Tien, N. D., & Trinh, N. T. T. (2026). Place oriented human settlement value assessment in the world heritage Trang An landscape complex. *Discover Sustainability*, 7(1), Article 345. https://doi.org/10.1007/s43621-026-02714-y. Truy cập ngày 15/05/2026.

Gibbons, M., Limoges, C., Nowotny, H., Schwartzman, S., Scott, P., & Trow, M. (1994). *The new production of knowledge: The dynamics of science and research in contemporary societies*. London: SAGE Publications.

Graham, B., Ashworth, G. J., & Tunbridge, J. E. (2000). *A Geography of Heritage: Power, Culture and Economy*. London: Arnold.

Ha, N. T. V., Chinh, T. C., Thuc, N. H., Tran, T. H., & Le, H. D. (2025a). Valuation of the Trang An karst system using contingent valuation method and choice experiment. *Discover Sustainability*, *6*(1), 1364.

Ha, N. T. V., Han, T. T., Quan, P. M., Hai, L. D., Van Hieu, N., & Dat, L. Q. (2025b). Assessing the Proportions of Economic Values in the Trang An Scenic Landscape Complex Using an Improved Fuzzy AHP Approach. *Environmental and Sustainability Indicators*, 100751. https://doi.org/10.1016/j.indic.2025.100751. Truy cập ngày 15/05/2026

Hewison, R. (1987). *The Heritage Industry: Britain in a Climate of Decline*. London: Methuen, pp. 9-15.

Hoàng, T.H., Phạm, H.T., Vũ, V.D. và Nguyễn, B.N. (2023). Ước tính giá trị du lịch của Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. *Tạp chí Môi trường*, Số. 02, tr. 23-27.

Kim, K., Park, O., Barr, J., & Yun, H. (2019). Tourists' shifting perceptions of UNESCO heritage sites: lessons from Jeju Island-South Korea. *Tourism Review*, 74(1), 20-29.

Klein, J. T. (1990). *Interdisciplinarity: History, theory, and practice*. Detroit: Wayne State University Press.

National Academies of Sciences, Engineering, and Medicine. (2014). *Convergence: Facilitating transdisciplinary integration of life sciences, physical sciences, engineering, and beyond*. Washington, DC: The National Academies Press. https://doi.org/10.17226/18722. Truy cập ngày 15/05/2026

Repko, A. F., & Szostak, R. (2017). *Interdisciplinary research: Process and theory*. Sage publications.

Richards, G., & Wilson, J. (2006). Developing creativity in tourist experiences: A solution to the serial reproduction of culture? *Tourism Management*, 27(6), 1209-1223. https://doi.org/10.1016/j.tourman.2005.06.002. Truy cập ngày 16/05/2026

Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*

Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030*.

Thủ tướng Chính phủ. (2025). *Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*